

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HS-ST
Ngày: 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Đông**
Bà **Hoàng Thị An**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện

A.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Oanh**- Kiểm sát viên

Ngày 25/6/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2024/TLST-HS ngày 04/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HS ngày 10/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn CT, xã KĐ, huyện KT, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Phạm Văn Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Bùi Thị H và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Theo danh chỉ bản số 315 ngày 04/4/2024 của Công an huyện A xác định: Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* **Bị hại:** Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1963. Đã chết ngày 30/01/2024. Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn TL, xã TD, huyện A, TP. Hà Nội.

- **Những người đại diện hợp pháp của bà Hương:**

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn TL, xã TD, huyện A, TP. Hà Nội (Chồng bà N).

2. Anh Hoàng Thế D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn TL, xã TD, huyện A, TP. Hà Nội (Con đẻ bà N).

3. Chị Hoàng Thị Hương P, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn NK, xã NK, huyện A, TP. Hà Nội (Con đẻ bà N).

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, chị P là ông Hoàng Văn H. Vắng mặt.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Công ty cổ phần vận tải và thương mại X. Địa chỉ: n đường NBK, phường DH, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh H- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc N, sinh năm 1981 và ông Hoàng Trung K, sinh năm 1984 - Nhân viên. Đều có mặt.

2. Công ty TNHH đầu tư vận tải và thương mại VH. Địa chỉ: m đường ĐN, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn TL, xã TD, Huyện A, TP. Hà Nội (Chồng bà N). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, Phạm Văn Đ có giấy phép lái xe hạng FC điều khiển xe ô tô BKS: 15C- 292.03 kéo theo Sơ mi rơ moóc BKS: 15R- 067.66 lưu thông trên đường Quốc lộ 3, chiều PL hướng cầu Đ. Đến khu vực ngã 3 đường giao nhau với đường dẫn đi đường TS thuộc địa phận thôn VT, xã XC, huyện A, TP. Hà Nội, Đ điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào đường Quốc lộ 5 thì va chạm với xe mô tô BKS: 29S1- 022.61 do bà Lê Thị N điều khiển, lưu thông cùng chiều, hậu quả bà N tử vong tại chỗ.

Tại kết luận giám định số 1023 ngày 27/02/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an đối với dấu vết cơ học trên phương tiện xe ô tô đầu kéo BKS 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc BKS 15R- 067.66 và mô tô BKS 29S1- 022.61, kết luận:

1. Cơ chế, chiều hướng hình thành dấu vết trên xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61:

a. Dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61: Dấu vết trượt xước, mất bụi đất màu nâu ở mặt ngoài má ngoài lốp bánh trước bên phải xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 có chiều ngược chiều chuyển động quay tiến của bánh xe, phù hợp với dấu vết trượt, bám dính chất màu nâu (Dạng đất) ở mặt ngoài phía sau núm kim loại đầu tay lái bên trái xe mô tô biển số 29S1- 022.61. Dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ sau về trước.

b. Dấu vết trượt xước ở mặt ngoài cung trước chắn bùn bánh trước, ốp nhựa gương chiếu hậu, ốp nhựa đầu xe, bàn để chân trước, tay nâng sau bên trái xe mô tô biển số 29S1- 022.61 có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường (Khi xe mô tô biển số 29S1- 022.61 đổ nằm nghiêng trái và trượt trên mặt đường).

c. Các dấu vết còn lại ở xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61 được ghi nhận trong Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông của Công an huyện A hiện tại không thể hiện rõ đặc điểm, không đủ yếu tố để giám định so sánh.

2. Tốc độ xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61 tại thời điểm tai nạn:

- Tốc độ xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 ngay tại thời điểm bắt đầu để lại dấu vết phanh (Điểm đầu vết phanh) ở hiện trường trong khoảng từ 29,21Km/h đến 31,23Km/h.

- Không xác định được tốc độ của xe mô tô biển số 29S1- 022.61 theo dấu vết phanh khi xảy ra tai nạn.

3. Vị trí va chạm trên mặt đường tại hiện trường giữa xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61 thuộc bên phải đầu đường dẫn đi đường TS (Đoạn tiếp giáp với đường Quốc lộ 3) theo hướng từ đường Quốc lộ 3 đi đường dẫn đường TS.

4. Cơ chế, chiều hướng hình thành các dấu vết liên quan được ghi nhận trong sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường.

Kỹ thuật an toàn phương tiện xe ô tô biển số 15C- 292.03 kéo sơ mi rơ moóc biển số 15R- 067.66 và xe mô tô biển số 29S1- 022.61: Hệ thống phanh tác dụng.

Tại kết luận giám định tử thi số 201/139 ngày 26/02/2024 của Trung tâm pháp y Hà Nội đối với pháp y tử thi Lê Thị N, kết luận: Nạn nhân Lê Thị N tử vong do chấn thương sọ não rất nặng.

Kiểm tra nồng độ cồn đối với Phạm Văn Đ, kết quả: 0,00mg/L khi thở. Xét nghiệm chất ma túy tại Phòng khám đa khoa Medlatec đối với Phạm Văn Đ, kết quả: Âm tính với các chất ma túy.

Kiểm tra dữ liệu giám sát hành trình đối với xe ô tô BKS 15C- 292.03 kéo Sơ mi rơ moóc BKS 15R- 067.66, kết quả: Xe ô tô lưu thông với vận tốc lần lượt 46Km/h, 49Km/h, 50Km/h, 39Km/h, 22Km/h, 0Km/h.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định dấu vết cơ học, kết luận giám định pháp y tử thi và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên nhân tai nạn xảy ra do lỗi do Phạm Văn Đ điều khiển xe chuyển hướng rẽ thiếu chú ý quan sát đã va chạm với xe mô tô để xảy ra tai nạn, vi phạm Khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Bà Lê Thị N có lỗi hành chính điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe, vi phạm Khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Xử lý vật chứng tạm giữ:

- Xe ô tô BKS 15C- 292.03 đăng ký mang tên Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X; Sơ mi rơ moóc BKS 15R- 067.66 đăng ký mang tên Công ty TNHH Đầu tư Vận tải và Thương mại VH và cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X thuê lại. Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X thuê Phạm Văn Đ lái xe theo hợp đồng lao động.

- Xe mô tô BKS 29S1- 022.61 đăng ký mang tên ông Hoàng Văn H là chồng bà Lê Thị N.

Ngày 18/3/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô BKS 15C- 292.03 kéo sơ mi rơ moóc BKS 15R- 067.66 và giấy tờ xe cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X; Trả lại xe mô tô BKS 29S1- 022.61 và giấy tờ xe cho ông Hoàng Văn H.

Về bồi thường dân sự: Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X và Phạm Văn Đ đã bồi thường, hỗ trợ cho gia đình nạn nhân Lê Thị N số tiền 170.000.000 đồng. Gia đình nạn nhân đã nhận tiền, xin tự chịu thiệt hại đối với xe mô tô và không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X có tham gia bảo hiểm nhưng không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Về trách nhiệm hình sự: Gia đình nạn nhân có đơn đề nghị miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn Đ.

Cáo trạng số 128/CT-VKSĐA ngày 31/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện A quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận toàn bộ sự việc va chạm giao thông giữa xe ô tô do bị cáo điều khiển với xe mô tô do bà Lê Thị N điều khiển, thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo rất ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt: Phạm Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự giải quyết và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án: Trả lại bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng FC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám các dấu vết phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, biên bản

khám nghiệm tử thi, kết luận giám định tử thi, kết luận giám định dấu vết, phương tiện, lời khai người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, bị cáo Phạm Văn Đ (Có giấy phép lái xe hạng FC) điều khiển xe ô tô BKS: 15C- 292.03 kéo theo Sơ mi rơ mooc BKS: 15R- 067.66 lưu thông trên đường Quốc lộ 3, chiều PL hướng cầu Đ. Đến khu vực ngã 3 đường giao nhau với đường dẫn đi đường TS thuộc địa phận thôn VT, xã XC, huyện A, TP. Hà Nội, Đ điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào đường Quốc lộ 5 nhưng do thiếu chú ý quan sát đã va chạm với xe mô tô BKS: 29S1- 022.61 do bà Lê Thị N điều khiển, lưu thông cùng chiều, hậu quả làm bà N tử vong tại chỗ. Trong quá trình tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Bà Lê Thị N điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe, vi phạm Khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì không chỉ xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng của người khác. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do coi thường pháp luật giao thông, chủ quan nên vẫn vi phạm.

Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) Làm chết người."

Việc đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời đấu tranh, tuyên truyền chung là cần thiết.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Gia đình có người thân có công với Cách mạng; Sau khi gây ra tai nạn đã chủ động đầu thú, bồi thường đầy đủ cho gia đình bị hại; Gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội, cụ thể:

Bị cáo phạm tội xâm phạm an toàn giao thông trong bối cảnh hiện nay tình trạng tai nạn giao thông trên cả nước đang có xu hướng gia tăng, phức tạp với tỷ lệ người chết tăng cao, trong đó một trong những nguyên nhân chủ yếu là do ý thức kém của người tham gia giao thông. Do đó, đáng ra cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng

rắn đẽ, giáo dục. Tuy nhiên trong vụ án này, đánh giá nguyên nhân tai nạn mặc dù bà Lê Thị N chỉ có lỗi hành chính điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe nhưng chứng tỏ nạn nhân chưa được đào tạo, sát hạch, cấp phép để có thể tham gia giao thông một cách bình thường, đúng luật. Ngoài ra, làn đường phương tiện của bị cáo và bị hại di chuyển hẹp, vô cùng đông đúc, gây cản trở và rất khó khăn cho người tham gia giao thông trong việc quan sát các phương tiện lưu thông. Bị cáo được xác định có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nên xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ rắn đẽ, giáo dục, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật hình sự trong chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình và nghề nghiệp của bị cáo thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Công ty Cổ phần vận tải và thương mại X có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự nhưng không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án: Giấy phép lái xe ô tô hạng FC số 310163842387 do Bộ giao thông vận tải cấp cho bị cáo Phạm Văn Đ ngày 19/10/2020 được coi là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần cho thi hành trả lại bị cáo.

Việc Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô BKS 15C-292.03 kéo sơ mi rơ moóc BKS 15R- 067.66 và giấy tờ xe cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại X; Trả lại xe mô tô BKS 29S1- 022.61 và giấy tờ xe cho ông Hoàng Văn H là có căn cứ.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên toà về hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý các vấn đề liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

2. Về hình phạt chính: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn Đ **16** (Mười sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **32** (Ba mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện KT, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án: Cho thi hành trả lại bị cáo Phạm Văn Đ 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng FC số **310163842387** do Bộ giao thông vận tải cấp ngày 19/10/2020 (Hiện đang lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

4. Về án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp Thành phố Hà Nội;
- VKSND Huyện A;
- Công an Huyện A;
- Chi cục THADS Huyện A;
- UBND xã KĐ, KT, tỉnh Hải Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Lâm Bình

